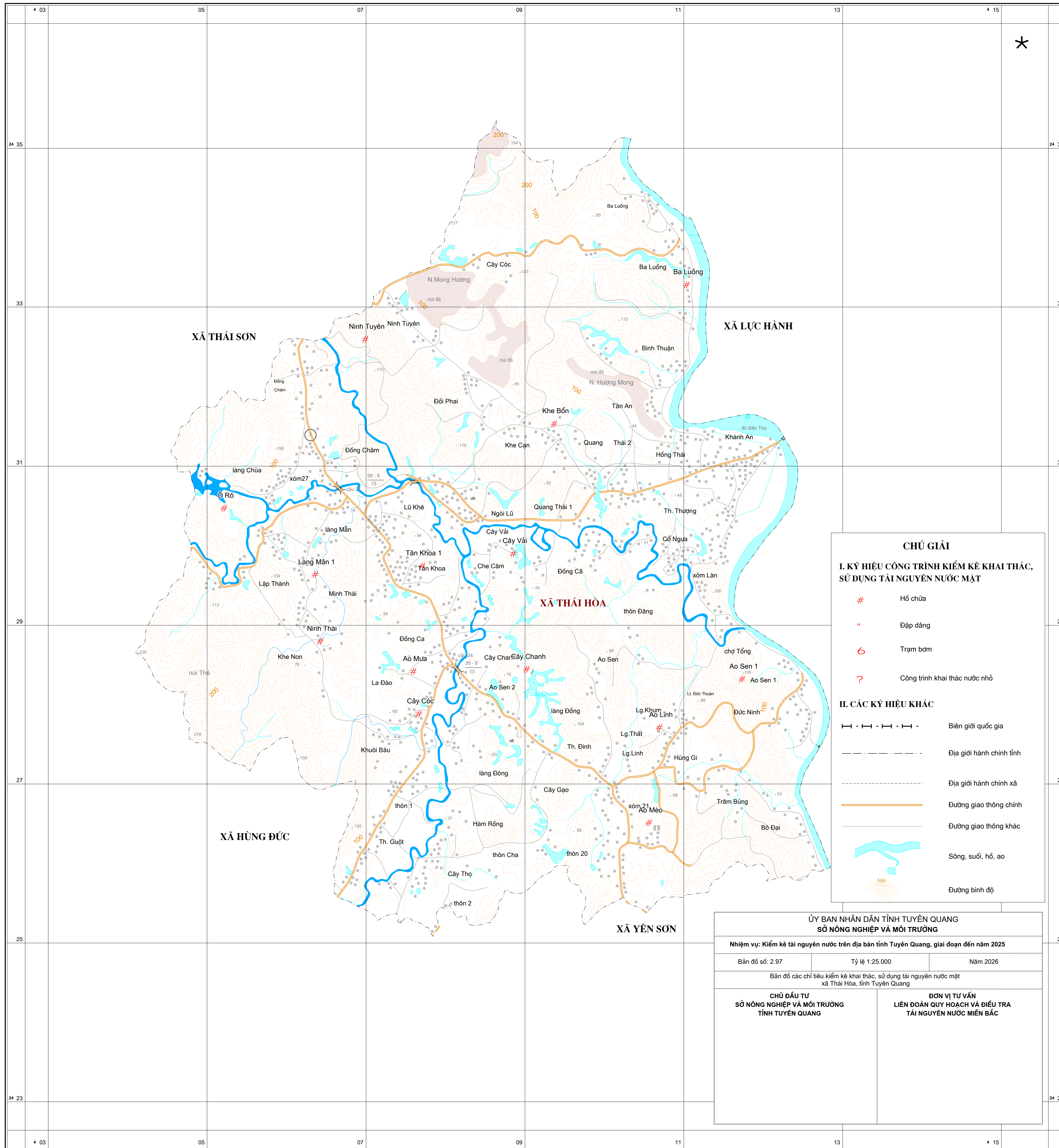


BẢN ĐỒ CÁC CHỈ TIÊU KIỂM KÊ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC MẶT XÃ THÁI HÒA - TỈNH TUYÊN QUANG



CÔNG TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT ĐƯỢC KIỂM KÊ

STT	Tên chủ hộ/công trình	Xã/Ph	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích (triệu m ³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m ³ /ngày)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích KDDY và SX phi nông nghiệp (m ³ /ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m ³ /ngày đêm)
1	Cây Cóc	Thái Hòa	Hố	Ngòi Lô	Nông nghiệp	0.06	0.006	-	-	-
2	Ó Rô	Thái Hòa	Hố	Ngòi Ó Rô	Nông nghiệp	1.5	0.05	-	-	-
3	Khe Bồn	Thái Hòa	Hố	Khe suối nhỏ	Nông nghiệp	0.02	0.008	-	-	-
4	Cây Vải	Thái Hòa	Hố	Ngòi Lô	Nông nghiệp	0.09	0.016	-	-	-
5	Ninh Tuyên	Thái Hòa	Hố	Mỏ	Nông nghiệp	0.12	0.007	-	-	-
6	Tân Khoa 1	Thái Hòa	Hố	Ngòi Phong Năm	Nông nghiệp	0.2	0.014	-	-	-
7	Ninh Thái	Thái Hòa	Hố	Mỏ	Nông nghiệp	0.14	0.009	-	-	-
8	Làng Mãn 1	Thái Hòa	Hố	Khe suối nhỏ	Nông nghiệp	0.1	0.007	-	-	-
9	Đống Tĩnh	Thái Hòa	Hố	Khe suối nhỏ	Nông nghiệp	0.06	0.004	-	-	-
10	Ba Luồng	Thái Hòa	Hố	Khe suối nhỏ	Nông nghiệp	0.08	0.007	-	-	-
11	Ao Sen 1	Thái Hòa	Hố	Ngòi Phong Năm	Nông nghiệp	0.14	0.009	-	-	-
12	Cây Cóc	Thái Hòa	Hố	Ngòi Phong Năm	Nông nghiệp	0.06	0.011	-	-	-
13	Ao Hoàng	Thái Hòa	Hố	Ngòi Phong Năm	Nông nghiệp	0.02	0.002	-	-	-
14	Ao Lĩnh	Thái Hòa	Hố	Ngòi Ó Vải	Nông nghiệp	0.13	0.015	-	-	-
15	Cây Chanh	Thái Hòa	Hố	Ngòi Phong Năm	Nông nghiệp	0.22	0.006	-	-	-
16	Ao Mưa	Thái Hòa	Hố	Ngòi Sỏi	Nông nghiệp	0.2	0.016	-	-	-
17	Cây Xoan	Thái Hòa	Hố	Khe suối nhỏ	Nông nghiệp	0.14	0.002	-	-	-
18	Ao Mèo	Thái Hòa	Hố	Ngòi Sỏi	Nông nghiệp	0.13	0.015	-	-	-